

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HS-ST
Ngày 29 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Trừu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 134/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021, đối với:

- Bị cáo: Phạm Quang T, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Ấp 7, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Bốc vác; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1965; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1948; nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vợ của ông H); Anh Nguyễn Quốc Huy V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 1480, QL 1A, ấp T, xã B, huyện T tỉnh Đồng Nai (con của ông H); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 27/2/2021 Phạm Quang T (có giấy phép lái xe mô tô theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 72V2-1198 lưu thông trên đường Quốc Lộ 1 (đi đúng làn đường dành cho xe mô tô) hướng từ thành phố B đi thành phố L. Khi Trường điều khiển xe đi đến Km 1852, Quốc Lộ 1 thuộc ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai do không chú ý quan sát, không phát hiện ông Nguyễn Quốc H đang đi bộ qua đường từ trái qua phải gần đến sát mép đường bên phải (theo chiều đi của xe mô tô 72V2-1198) nên xe mô tô do T điều khiển đã va đụng vào ông Nguyễn Quốc H. Sau khi xảy ra tai nạn ông H bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đến 19 giờ 30 phút cùng ngày thì tử vong, còn T bị thương phải cấp cứu và điều trị đến ngày 08/3/2021 thì được xuất viện.

2. Khám nghiệm hiện trường:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 28/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai, xác định:

- Đoạn đường nơi xảy ra vụ án gần với giao lộ ngã 4 qua Quốc lộ 1A và đường Võ Nguyên Giáp có đèn tín hiệu giao thông đang hoạt động, phân chia các luồng đường là các tiểu đảo.

- Mặt đường trải nhựa bằng phẳng, chiều rộng mặt đường là 10m40, không có vạch sơn dành cho người đi bộ sang đường.

- Cách nơi xảy ra tai nạn về phía trước 30m là biển báo hiệu nguy hiểm “đi chậm”.

- Vết cày (01) xe mô tô 72V2-1198 cách mép đường chuẩn là 3,1m. Cách vị trí vết cày 02 là 0.95m.

- Vết cày (02) xe mô tô 72V2-1198 cách mép đường chuẩn là 1.5m. Đo từ đầu vết cày đến góc đế chân của xe xe mô tô 72B1-1198 là 5.6m.

- Vị trí nạn nhân: Nằm sấp đầu chéch hướng Long Khánh, chân hướng Biên Hòa. Nạn nhân nằm sát mép lề chuẩn. Đo từ đầu nạn nhân đến tâm trục bánh xe phía sau xe mô tô 72V2-1198 là 2.6m. Đo từ chân trái của nạn nhân đến đầu vết cày số 01 là 2m.

- Vị trí xe mô tô 72V2-1198 nằm ngã nghiêng bên trái, đầu hướng tiểu đảo, đuôi hướng mép đường chuẩn. Đo từ tâm trục bánh xe mô tô trước đến mép

đường chuẩn là 2.80m. Đo từ tâm trục bánh sau xe đến mép đường chuẩn là 1.60m. Đo từ trục bánh sau xe mô tô đến trụ điện TD1-08 là 4m50.

3. Giám định pháp y:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 468/KLGD-PC09 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Quốc H là do:

- Dấu hiệu chính: Xây sát bầm tím vùng đầu, xây sát da vùng thái dương - má; xây sát da vùng vai lưng và cùi - cụt, bầm tím da vùng mào chậu; xây sát da vùng khuỷu tay, xây sát da vùng đầu gối. Tụ máu dưới da đầu tụ máu dưới da - cơ vùng bụng, tụ máu phúc mạc bụng, trong ổ bụng và hố chậu có máu; đứt động mạch chậu, vỡ bàng quang, gãy khung chậu,

- Nguyên nhân tử vong: Sốc chấn thương do tổn thương vùng bụng và hố chậu vỡ bàng quang, đứt động mạch chậu, gãy khung xương chậu".

4. Vật chứng:

Xe mô tô biển số 72V2-1198 và 01 đăng ký xe mô tô 72V2-1198 (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Phạm Quang T) và 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 750093011884 do Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/8/2016 mang tên Phạm Quang T.

5. Về bồi thường dân sự:

Trong quá trình điều tra, giữa bị cáo Phạm Quang T và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận và giải quyết xong với số tiền bồi thường 40.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã làm “Đơn bãi nại”, đề nghị không truy tố bị cáo T và không yêu cầu bồi thường thêm phần dân sự (bút lục số 85-86).

Tại bản Cáo trạng số: 172/CT-VKS-TB ngày 09 tháng 7 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Phạm Quang T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Phạm Quang T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Trả lại cho bị cáo giấy phép lái xe hạng A1 số 750093011884 do Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/8/2016 mang tên Phạm Quang T.
- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra và đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 27/02/2021, Phạm Quang T (có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô biển số 72V2-1198, lưu thông trên đường Quốc lộ 1 (đi đúng làn đường dành cho xe mô tô) hướng từ thành phố Biên Hòa đi thành phố Long Khánh. Khi đến Km 1852 Quốc lộ 1 thuộc Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã va đụng vào người ông Nguyễn Quốc H đang đi bộ qua đường theo hướng từ trái sang phải. Hậu quả, ông Nguyễn Quốc H tử vong vào cùng ngày tại Bệnh viện đa khoa Thống Nhất.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Qua xem xét bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác, thể hiện nơi xảy ra tai nạn không có vạch sơn dành cho người đi bộ sang đường nhưng ông Nguyễn Quốc H lại thiếu quan sát các xe đang đi tới, đi bộ băng qua đường khi không đủ điều kiện đảm bảo an toàn. Do đó, trong vụ án, bị hại cũng có một phần lỗi, vi phạm khoản 2, 3 Điều 32 của Luật Giao thông đường bộ.

Bị cáo Phạm Quang T có hành vi điều khiển xe mô tô chạy quá tốc độ quy định, thiếu quan sát, không tuân thủ biển báo tín hiệu nguy hiểm “đi chậm”, không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn khi gặp người đi bộ, vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5, Điều 8 Thông tư số: 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải. Tuy bị hại cũng có một phần lỗi nhưng lỗi chính vẫn thuộc về bị cáo. Cáo trạng truy tố là có căn cứ, đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Quang T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau tai nạn, bị cáo đã tích cực hỗ trợ cứu chữa bị hại; bị cáo đã bồi thường thiệt hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn “bãi nại”; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, phải nuôi dưỡng cha mẹ già và con nhỏ; bị hại cũng có một phần lỗi; thuộc các trường hợp được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo Phạm Quang T là nguy hiểm cho xã hội. Hiện nay, vấn đề tai nạn giao thông gây chết người là vấn nạn của xã hội; trong đó, chủ yếu xuất phát từ lỗi chủ quan của người tham gia giao thông; Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, bị hại cũng có một phần lỗi và người đại diện hợp pháp của bị hại cũng có đơn “bãi nại”. Bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo giấy phép lái xe hạng A1 số 750093011884 do Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/8/2016 mang tên Phạm Quang T ngay sau khi kết thúc phiên tòa.

[5] Về dân sự:

Các bên đã tự thỏa thuận và giải quyết xong toàn bộ vấn đề bồi thường; do đó, không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Phạm Quang T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (29/10/2021).

Giao bị cáo Phạm Quang T cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo giấy phép lái xe hạng A1 số 750093011884 do Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/8/2016 mang tên Phạm Quang T ngay sau khi kết thúc phiên tòa.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15

(mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh